TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 65/2019/HS-ST Ngày 14-11-2019	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Hòe.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hóa;

Ông Nguyễn NG Chinh.

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Xuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Lại Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 63/2019/TLST- HS ngày 25 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn C, sinh năm 1982 tại xã Hải Lý; nơi cư trú : Xóm E, xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định ; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Bính, sinh năm 1936 (đã chết) và bà Phạm Thị Hơn, sinh năm 1942; anh chị em ruột có 07 người, bị cáo là thứ sáu; vợ là Phạm Thị Hải Yến, sinh năm 1986; có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07-8-2019 đến ngày 13-8-2019 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

2. Trần Văn S, sinh năm 1975 tại xã Hải Lý; nơi cư trú: Xóm Văn Lý, xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định ; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Tự, sinh năm 1944 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Mỳ, sinh năm 1946; anh chị em ruột có 07 người, bị cáo là thứ năm; vợ là Lê Thị Vân, sinh năm 1981; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 28-5-2009, bị Công an huyện Hải Hậu xử phạt hành chính

về hành vi "Đánh bạc". Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07-8-2019 đến ngày 13-8-2019 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

3. Trần Tuấn NG, sinh năm 1974 tại xã Hải Lý; nơi cư trú: Xóm Văn Lý, xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định ; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Quý, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị Minh, sinh năm 1954; anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là thứ nhất; vợ là Phạm Thị Thu H2, sinh năm 1984; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 10-7-2018, bị Công an huyện Hải Hậu xử phạt hành chính về hành vi "Đánh bạc". Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07-8-2019 đến ngày 13-8-2019 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

4. Trần Văn B, sinh năm 1988 tại xã Hải Lý; nơi cư trú: Xóm Văn Lý, xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định ; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Nam, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Nga, sinh năm 1970; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là thứ nhất; vợ là Đinh Thị Vân, sinh năm 1999; có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 21-02-2011, bị Công an huyện Hải Hậu xử phạt hành chính về hành vi "Cố ý gây tH1 tích". Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07-8-2019 đến ngày 13-8-2019 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

5. Lê Văn T, sinh năm 1986 tại xã Hải Lý; nơi cư trú: Xóm Văn Lý, xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định ; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Tứ, sinh năm 1962 và bà Đinh Thị NG, sinh năm 1967; anh em ruột có 03 người, bị cáo là thứ nhất; vợ là Nguyễn Thị Thanh Dung, sinh năm 1988; có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07-8-2019 đến ngày 13-8-2019 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

Người làm chứng:

1. Chị Trần Thị H, sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm Văn Lý, xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định;

2. Ông Đinh NG H1, sinh năm 1963; địa chỉ: Xóm Văn Lý, xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định;

3. Chị Phạm Thị Thu H2, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm Văn Lý, xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa có mặt các bị cáo; chị H, chị H2, ông H1)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 07-8-2019, Phạm Văn C gọi điện thoại cho Trần Văn S hỏi "có ai không", S hiểu ý của C hỏi có ai chơi đánh bạc không. Sau đó, S gọi điện cho Trần Tuấn NG nói "C nó rủ đánh bài đấy, hỏi xem B có nhà không", NG gọi điện thoại cho B rủ đến nhà S đánh bạc. Khoảng 13 giờ cùng ngày, B, NG và C đến quán ăn "Thuyền và biển" tại xóm Văn Lý xã Hải Lý do S quản lý; cả bốn ra chiếc chòi thứ nhất của quán để đánh bạc. C, S, B và NG thống nhất đánh "lốc" ăn tiền, mức sát phạt là 10.000đ/01 lá. Khoảng 16 giờ cùng ngày, Lê Văn T đến và cùng tham gia đánh bạc. Đến 17 giờ 40 phút cùng ngày, khi C, S, B, NG và T đang sát phạt nhau thì bị tổ công tác của Công an huyện Hải Hậu phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 6.970.000đ và 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân. Thu giữ của S 01 điện thoại Nokia 1174 màu đen có số thuê bao 0975.479.186; của C 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng, có số thuê bao 0964.485.488; của B 01 điện thoại Nokia 1280 màu xanh có số thuê bao 0963.876.459; của NG 01 điện thoại Iphone 6 màu xám có số thuê bao 0916.359.951 do các bị cáo sử dụng liên lạc với nhau để thực hiện hành vi đánh bạc.

Ngoài ra còn thu giữ của S số tiền 11.900.000đ; của C 01 ví da màu nâu, 01 xe mô tô BKS 18B1-575.45; của B 01 điện thoại di động Iphone 6 màu trắng, 01 ví giả da; của T 01 điện thoại di động Iphone 6S màu xám, số tiền 9.800.000đ; của NG 01 xe mô tô BKS 72E1-386.20, số tiền 8.600.000đ.

Tại bản cáo trạng số 63/CT-VKS-HH ngày 25 tháng 10 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định để xét xử đối với các bị cáo Phạm Văn C, Trần Văn S, Trần Tuấn NG, Trần Văn B và Lê Văn T về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thành khẩn khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung vụ án đã nêu ở trên. Ngoài ra, các bị cáo đều trình bày: mặc dù trước khi bị bắt, các bị cáo đều đi làm và có thu nhập nhưng từ sau khi bị bắt tạm giữ, bị truy tố, xét xử một phần uy tín không còn, một phần do chấp hành lệnh "cấm đi khỏi nơi cư trú" nên công việc bị đình trệ, không còn mối quan hệ hợp tác, thu nhập không còn như trước. Bị cáo B trước làm nghề cơ khí ở xa, nay không đi làm được, vợ bị cáo mới sinh con được 5 tháng tuổi nên hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn. Nghề nghiệp chính của các bị cáo là làm ruộng nên thu nhập không ổn định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu thực hành quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng như bản cáo trạng số 63/CT-VKS-HH ngày 25 tháng 10 năm 2019 cụ thể: Phạm Văn C, Trần Văn S, Trần Tuấn NG, Trần Văn B và Lê Văn T đã phạm vào tội "Đánh bạc" và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với Phạm Văn C, Trần Văn S, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử phạt bị cáo Phạm Văn C, Trần Văn S mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với Trần Tuấn NG, Trần Văn B và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với riêng Trần Tuấn NG, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Trần Tuấn NG, Trần Văn B mỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo Trần Tuấn NG, Trần Văn B, Lê Văn T được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 07-8-2019 đến ngày 13-8-2019. Giao các bị cáo C, S, NG, B, T cho chính quyền địa pH1 giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách và chấp hành hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị xử phạt bổ sung đối với các bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, b khoản 2; điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 6.970.000 đồng thu trên chiếu bạc và 04 chiếc điện thoại di động gồm: 01 điện thoại Nokia 1174 màu đen của S, 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng của C, 01 điện thoại Nokia 1280 màu xanh của B, 01 điện thoại Iphone 6 màu xám của NG sử dụng liên lạc với nhau để thực hiện hành vi đánh bạc.

- Tịch thu tiêu huỷ: Bộ bài tú lơ khơ 52 quân là công cụ phạm tội và 04 sim điện thoại số thuê bao 0975.479.186; 0964.485.488; 0963.876.459; 0916.359.951 của các bị cáo S, C, B, NG đã sử dụng để liên lạc với nhau để thực hiện hành vi đánh bạc.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên và các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bố đẻ bị cáo là người có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất được Sở thủy sản Nam Định tặng Giấy khen, bản thân bị cáo có thành tích trong xây dựng phong trào văn hóa nông thôn đã được chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện và chủ tịch UBND xã tặng giấy khen để áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo ăn năn hối cải, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được cải tạo tại địa pH1, không khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hải Hậu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu khác đã được lưu trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

[3] Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 07-8-2019, Phạm Văn C điện thoại rủ Trần Văn S đánh bạc ăn tiền. S đồng ý và gọi điện rủ Trần Tuấn NG và bảo NG rủ thêm Trần Văn B đến quán ăn "Thuyền và biển" ở xóm 7, xã Hải Lý, huyện Hải Hậu của S để đánh bạc. Khoảng 13 giờ cùng ngày, B, NG, C đến thì S lấy bộ bài 52 quân rồi bốn người cùng ra chòi số 1 của quán đánh bạc ăn tiền dưới hình thức đánh "lốc". 16 giờ cùng ngày, Lê Văn T đến, tham gia đánh bạc cùng. Đến 17 giờ 40 phút cùng ngày, khi S, C, NG, B và T đang sát phạt nhau thì bị Công an huyện Hải Hậu phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc tổng số tiền 6.970.000đ và 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân. Hành vi tham gia sát phạt nhau bằng tiền của các bị cáo Phạm Văn C, Trần Văn S, Trần Tuấn NG, Trần Văn B và Lê Văn T đã phạm vào tội: "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện thì thấy: Hành vi mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, mặc dù số tiền các bị cáo bỏ ra đánh bạc mà cơ quan điều tra thu giữ trên chiếu bạc không lớn (6.970.000đ) nhưng với cách thức đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền, không những ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế của bản thân và gia đình các bị cáo, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Việc được, thua khi đánh bạc cũng là nguyên nhân gây ra nhiều tệ nạn xã hội khác. Do đó, cần xử lý nghiêm nhằm trừng trị, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Xét vị trí, vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm nhưng giản đơn. Bị cáo Phạm Văn C rủ Trần Văn S đánh bạc ăn tiền, sau đó S rủ thêm Trần Tuấn NG, NG rủ thêm Trần Văn B cùng đánh bạc. S là người chuẩn bị địa điểm và bộ bài tú lơ khơ, trực tiếp tham gia đánh bạc ngay từ đầu đến khi bị bắt quả tang nên C và S giữ vị trí vai trò số 1 trong vụ án. NG và B khi được S rủ rê thì hưởng ứng, cùng tham gia từ khi bắt đầu đến khi bị bắt quả tang nên NG và B giữ vị trí vai trò số 2 trong vụ án. Bị cáo Lê Văn T đến tham gia đánh bạc sau cùng nên giữ vị trí thứ yếu trong vụ án.

[6] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo: các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự. Trong vụ án này, các bị đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Các bị cáo đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Tuấn NG có bố là tH1 binh hạng A, được Nhà nước tặng thưởng Huy cH1 kháng chiến Hạng Nhì và Huân cH1 chiến S giải phóng Hạng Ba; bị cáo Trần Văn S có bố đẻ là Trần Văn Tự được Sở thủy sản Nam Định tặng giấy khen nhiều năm liền vì có thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất, bản thân bị cáo được chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu và chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hải Lý nhiều lần tặng Giấy khen vì có thành tích trong xây dựng phong trào văn hóa xã. Do đó, các bị cáo NG, S được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Trên cơ sở xem xét nhân thân; các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; vị trí, vai trò, tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, từ khi các bị cáo C, S, NG, B và T được Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án cho tại ngoại đến nay, các bị cáo đều chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước và quy định của địa pH1, không có biểu hiện vi phạm pháp luật mới; đã thực sự hối cải; có khả năng tự cải tạo và không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Vì vậy, không cần thiết cách ly các bị cáo C, S, NG, B và T ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo C, S được hưởng án treo; cho các bị cáo NG, B và T cải tạo không giam giữ dưới sự giám sát của chính quyền địa pH1 cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung đồng thời thể hiện sự kHn hồng của pháp luật như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là phù hợp. Tuy nhiên, để đảm bảo tính công bằng cho các bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét phân hóa hình phạt căn cứ vào các tiêu chí đánh giá ở trên để quyết định hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án. Riêng bị cáo S có vị trí vai trò như bị cáo C, nhưng được hưởng hơn bị cáo C tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên xét cần áp dụng mức hình phạt nhẹ hơn bị cáo C và thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

[8] Về khấu trừ thu nhập: Xét các bị cáo NG, B,T đều làm ruộng, không có thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo là phù hợp.

[9] Về hình phạt bổ sung: Để đấu tranh phòng ngừa tội phạm, xét việc áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là cần thiết. Tuy nhiên, xét hoàn cảnh các bị cáo C, S, NG, T bị mất công ăn việc làm, thu nhập giảm sút, không ổn định so với thời điểm trước khi bị bắt tạm giữ, truy tố, xét xử; bị cáo B làm thợ cơ khí ở xa nhưng từ khi phạm tội không đi làm được do mất uy tín, vợ mới sinh nên không có thu nhập. Vì vậy, khi quyết định mức phạt, Hội đồng xét xử xem xét áp

dụng ở mức phạt tối thiểu đối với các bị cáo C, S, NG, T để đảm bảo điệu kiện thi hành và không phạt bổ sung đối với bị cáo B là phù hợp.

[10] Về xử lý vật chứng: Số tiền 6.790.000đ thu trên chiếu bạc của các bị cáo sử dụng đánh bạc; 01 điện thoại Nokia 1174 màu đen của S, 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng của C, 01 điện thoại Nokia 1280 màu xanh của B, 01 điện thoại Iphone 6 màu xám của NG sử dụng liên lạc với nhau để thực hiện hành vi đánh bạc, xét cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Bộ bài tú lơ khơ 52 quân là công cụ dùng để đánh bạc và 04 sim điện thoại có số thuê bao 0975.479.186; 0964.485.488; 0963.876.459; 0916.359.951 của các bị cáo S, C, B, NG đã sử dụng để liên lạc với nhau để thực hiện hành vi đánh bạc cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 11.900.000đ của S; 01 ví da màu nâu, 01 xe mô tô BKS 18B1-575.45 của C; 01 điện thoại di động Iphone 6 màu trắng, 01 ví giả da của B; 01 điện thoại di động Iphone 6S màu xám, số tiền 9.800.000đ của T; 01 xe mô tô BKS 72E1-386.20, số tiền 8.600.000đ của NG: Xét các tài sản trên không liên quan đến việc phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị cáo là phù hợp pháp luật.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Phạm Văn C, Trần Văn S, Trần Tuấn NG, Trần Văn B và Lê Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn C;

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn S;

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Tuấn NG;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn B.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn T.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn C, Trần Văn S, Trần Tuấn NG, Trần Văn B và Lê Văn T phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt bị cáo Phạm Văn C 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án; Xử phạt bị cáo Trần Văn S 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án (các bị cáo đã bị tạm giữ từ 07-8-2019 đến

ngày 13-8-2019). Phạt bổ sung mỗi bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng), các bị cáo phải nộp một lần trong thời hạn 1 tháng kể ngày tuyên án.

Xử phạt các bị cáo Trần Tuấn NG, Trần Văn B mỗi bị cáo 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Lê Văn T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Các bị cáo đều được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 07-8-2019 đến ngày 13-8-2019 là 6 ngày x 3 = 18 ngày cải tạo không giam giữ, các bị cáo NG, B còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo T còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận quyết định thi hành án và bản sao bản án. Phạt bổ sung các bị cáo NG, T mỗi bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng), các bị cáo phải nộp một lần trong thời hạn 1 tháng kể ngày tuyên án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Trần Tuấn NG, Trần Văn B và Lê Văn T.

Giao các bị cáo Phạm Văn C, Trần Văn S, Trần Tuấn NG, Trần Văn B và Lê Văn T cho Uỷ ban nhân dân xã Hải Lý, huyện Hải Hậu nơi các bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đối với các bị cáo: Phạm Văn C theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 44/LCCT-TA ngày 28 tháng 10 năm 2019; Trần Văn S theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 45/LCCT-TA ngày 28 tháng 10 năm 2019; Trần Tuấn NG theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 46/LCCT-TA ngày 28 tháng 10 năm 2019; Trần Văn B theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 47/LCCT-TA ngày 28 tháng 10 năm 2019; Lê Văn T theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 48/LCCT-TA ngày 28 tháng 10 năm 2019.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: Số tiền 6.970.000đ (sáu triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng) đã thu trên chiếu bạc; 01 điện thoại Nokia 1174 màu đen của Trần Văn S; 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng của Phạm Văn C; 01 điện thoại Nokia 1280 màu xanh của Trần Văn B, 01 điện thoại Iphone 6 màu xám của Trần Tuấn NG do các bị cáo sử dụng liên lạc với nhau để thực hiện hành vi phạm tội.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân là công cụ phạm tội và 04 sim điện thoại có số thuê bao 0975.479.186; 0964.485.488; 0963.876.459; 0916.359.951.

(Các vật chứng nêu trên được mô tả trong Biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Hải Hậu và Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu và biên lai thu tiền số AA/2012/07756 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu lập cùng ngày 05-11-2019).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a Điều 23 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Buộc các bị cáo Phạm Văn C, Trần Văn S, Trần Tuấn NG, Trần Văn B và Lê Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn NG Chinh Nguyễn Văn Hóa **Ngô Thị Hòe**

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh + huyện;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- UBND xã Hải Lý;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

Ngô Thị Hòe

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hòe